TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG
Bản án số: 91/2018/DS-ST
Ngày: 07/6/2018
V/v tranh chấp hợp đồng bảo lãnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Hậu.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Huỳnh Văn Hùng.
2. Ông Nguyễn Hoàng Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Quang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện châu Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Ông Phạm Tuấn Khanh.

Ngày 07 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:229/2016/TLST-DS ngày 13 tháng 12 năm 2016 về tranh chấp hợp đồng bảo lãnh theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2017/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn K, sinh năm 1968; nơi cư trú: Tổ 02, ấp TP, xã TT, thị xã TC, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Đ Thị Trúc L, sinh năm 1991; nơi cư trú: Ấp Kiến Thuận 1, xã Kiến An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Ông Võ Văn T, sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1961; cùng nơi cư trú: Tổ 30, ấp BH2, xã BM, huyện CP, tỉnh An Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Võ Minh Đ, sinh năm 1986; nơi cư trú: Tổ 30, ấp BH2, xã BM, huyện CP, tỉnh An Giang.

(Chị L có mặt; ông T, bà H và anh Đ vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo và ý kiến trình bày của chị Đ Thị Trúc L là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn như sau: Anh Võ Minh Đ là con ruột của ông Võ Văn T và bà Nguyễn Thị H có mua vật tư nông nghiệp của ông Lê Văn K và còn nợ với số tiền 46.000.000đ. Ông K có yêu cầu anh Đ thanh toán số tiền nợ nói trên nhưng ông Đ không thực hiện.

Vào ngày 28/8/2016 cha và mẹ anh Đ là ông T và bà H có viết biên nhận đứng ra nhận nợ thay cho anh Đ số tiền 46.000.000đ và hứa thanh toán số tiền

trên cho ông K, nhưng ông T và bà H không thực hiện theo lời hứa.

Ông K yêu cầu Tòa án buộc ông T và bà H trả cho ông K số tiền 46.000.000đ và yêu cầu tính lãi suất từ ngày 28/8/2016 cho đến ngày xét xử theo lãi suất Ngân hàng nhà nước.

- Vợ chồng ông Võ Văn T và bà Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 17/11/2017 và tờ xác nhận ông T và bà H trình bày ý kiến như sau: Ông bà có biết việc Võ Minh Đ là con ruột của ông bà có mua vật tư nông nghiệp của ông Lê Văn K và còn nợ số tiền 46.000.00đ chưa trả, đến ngày 28/8/2016 ông K có đến gặp vợ chồng ông bà để trao đổi về số nợ của anh Đ và ông bà có đứng ra ký biên nhận với ông K là có nợ ông K 46.000.000đ và bảo lãnh nợ cho Đ, đồng ý trả số nợ trên cho ông K. Nay ông K khởi kiện kiện yêu cầu ông bà trả nợ 46.000.000đ thì ông bà cũng đồng ý nhưng do hoàn cảnh khó khan yêu cầu xin trả dần mỗi vụ 03 tháng là 5.000.000đ cho đến khi dứt nợ.

- Anh Võ Minh Đ vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp:

Căn cứ vào đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo thì vụ án thuộc quan hệ về tranh chấp hợp đồng bảo lãnh, cụ thể theo đơn khởi kiện ông Lê Văn K kiện yêu cầu vợ chồng ông Võ Văn T và bà Nguyễn Thị H trả cho ông K số tiền nợ bảo lãnh 46.000.000đ và tính lãi suất từ ngày 28/8/2016 cho đến ngày xét xử theo quy định của pháp luật, do vậy Tòa án thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Do đây là tranh chấp về hợp đồng bảo lãnh thuộc loại kiện về tranh chấp dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, mà cụ thể là Tòa án nhân dân huyện Châu Phú do bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn huyện Châu Phú, H nữa giao dịch dân sự cũng thực hiện tại huyện Châu Phú nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú thụ lý là đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về trình tự và thủ tục khởi kiện:

Xét đây là vụ kiện không bắt buộc phải thông qua hòa giải tại Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn nên ông Lê Văn K làm đơn khởi kiện trực tiếp ra Tòa án vẫn đúng quy định.

[1.4] Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhiều lần không lý do, nên Tòa án tiến

hành xét xử vắng mặt là đúng theo quy định tại Điều 227 và Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.5] Về thời hiệu khởi kiện: Xét thấy, vụ án vẫn còn thời hiệu khởi kiện nên Tòa án tiến hành xét xử là đúng theo quy định.

[2] Về nội dung:

Hợp đồng bảo lãnh giữa vợ chồng ông Võ Văn T, bà Nguyễn Thị H đối với số nợ 46.000.000đ của anh Võ Văn Đ là có thật, cụ thể vào ngày 28/8/2016 vợ chồng ông T, bà H có làm biện nhận và đứng ra bảo lãnh trả nợ thay cho anh Đ số tiền 46.000.000đ mà anh Đ nợ tiền mua vật tư nông nghiệp của ông Lê Văn K, tại biên bản ghi lời khai và tờ xác nhận thì vợ chồng ông T, bà K cũng thừa nhận số nợ bảo lãnh và đồng ý trả dần mỗi vụ 03 tháng 5.000.000đ cho đến khi dứt nợ, điều này thể hiện ông T và bà H là người đứng ra bảo lãnh đối với số nợ 46.000.000đ mà anh Đ còn nợ ông K, do vợ chồng ông T, bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ông K khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông T, bà H trả số tiền nợ bảo lãnh 46.000.000đ là có căn cứ nên chấp nhận. Còn việc ông T, bà H xin trả dần số tiền trên mỗi vụ 03 tháng 5.000.000đ cho đến khi dứt nợ không được phía ông K đồng ý nên không có cơ sở để xem xét.

Do ông T, bà H vi phạm nghĩa vụ bảo lãnh nên phải có trách nhiệm trả số tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất Ngân hàng nhà nước và phù hợp với quy định tại Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005 theo yêu cầu của đại diện theo ủy quyền nguyên đơn, như vậy tiền lãi chậm trả được tính từ ngày 28/8/2016 đến nay là 21,5 tháng, số tiền lãi được tính như sau: 46.000.000đ x 21,5 tháng x 9%/12tháng = 7.417.500đ đ.

Tổng số tiền ông T, bà H phải trả cho ông K là: Nợ bảo lãnh 46.000.000đ và lãi chậm trả 7.417.500đ. Tổng cộng 53.417.500đ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của ông K được chấp nhận nên ông K không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.200.000đ theo biên lai thu số 0013183 ngày 13/12/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

Vợ chồng ông T, bà H là người có lỗi trong vụ kiện nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, cụ thể như sau: 53.417.500 x 5% = 2.670.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 233, Điều 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ Điều 305 và Điều 361 Bộ luật dân sự; căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn K đối với vợ chồng ông Võ Văn T, bà Nguyễn Thị H.

Buộc vợ chồng ông Võ Văn T, bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm trả cho ông Lê Văn K số tiền 53.417.500đ (năm mươi ba triệu, bốn trăm mười bảy ngàn, năm trăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông K được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.200.000đ (một triệu, hai trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0013183 ngày 13/12/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

Vợ chồng ông T, bà H phải chịu 2.670.000đ (hai triệu, sáu trăm bảy chục ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tống đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- Chi cục THADS huyện Châu Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phước Hậu